

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: *“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 rèn luyện kỹ năng giải toán về tỉ số phần trăm.”*

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Môn Toán lớp 5

3. Tác giả:

- Họ tên: Lê Thị Hạnh
- Ngày, tháng, năm sinh: 28 - 12 - 1994
- Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên - Trường Tiểu học Quang Trung
- Điện thoại: 0389426421

4. Đơn vị áp dụng sáng kiến:

- Tên đơn vị: Lớp 5 trường Tiểu học Quang Trung
- Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

II. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT :

1. Mô tả giải pháp đã biết:

Hiện nay, toàn Ngành giáo dục nói chung và Giáo dục Tiểu học nói riêng đang thực hiện yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh làm cho hoạt động dạy học trên lớp "nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả". Để đạt được yêu cầu đó, giáo viên phải có phương pháp và hình thức dạy học để nâng cao hiệu quả cho học sinh, vừa phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của lứa tuổi Tiểu học và trình độ nhận thức của học sinh. Để đáp ứng với công cuộc đổi mới nói chung và của Ngành giáo dục Tiểu học nói riêng.

Trong chương trình Toán lớp 5 hiện hành, 5 mảng kiến thức được đưa vào giảng dạy đó là : Số học và phép tính; đo lường; hình học; giải bài toán có lời văn và một số yếu tố thống kê. Trong 5 mảng kiến thức đó, có thể nói mảng kiến thức về giải toán là khá nặng với học sinh trong đó phải kể đến nội dung giải toán về tỉ số phần trăm. Nội dung này được đưa vào chính thức là 9 tiết, trong đó có 1 tiết cung cấp về khái niệm tỉ số phần trăm, 3 tiết giải toán về tỉ số phần trăm và 5 tiết luyện tập; còn lại là những bài toán phần trăm đơn lẻ, nằm rải rác xen kẽ với các yếu tố khác trong cấu trúc chương trình(từ tuần 15 đến tuần 17). Tỉ số phần trăm là một kiến thức mới mẻ so với các lớp học dưới, mang tính trừu tượng cao và đồng thời cũng có tính ứng dụng rất lớn.

Dạy - học về “ tỉ số phần trăm” và “giải toán về tỉ số phần trăm” không chỉ củng cố các kiến thức toán học có liên quan mà còn giúp học sinh (HS) gắn học với hành, mang tính ứng dụng cao. Qua việc học các bài toán về Tỉ số phần trăm, học sinh có hiểu biết thêm về thực tế, vận dụng được vào việc tính toán trong thực tế như: Tính tỉ số phần trăm các loại học sinh (theo giới tính hoặc theo học lực,...) trong lớp mình học hay trong nhà trường, tính tiền vốn, tiền lãi khi mua bán hàng hóa hay khi gửi tiền tiết kiệm; tính sản phẩm làm được theo kế hoạch dự định,... Đồng thời rèn những phẩm chất không thể thiếu của người lao động đối với học sinh Tiểu học.

Bản thân những bài toán về tỉ số phần trăm vừa thiết thực lại vừa rất trừu tượng, HS phải làm quen với nhiều thuật ngữ mới như: “đạt một số phần trăm chỉ tiêu; vượt kế hoạch; vượt chỉ tiêu; vốn; lãi; lãi suất”..., đòi hỏi phải có năng lực tư duy, khả năng suy luận hợp lí, cách phát hiện và giải quyết các vấn đề ... Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện những ưu điểm, thiếu sót của các em về kiến thức, kĩ năng, tư duy để giúp học sinh phát huy những mặt được và khắc phục những mặt thiếu sót.

Qua thực tế giảng dạy lớp 5 nhiều năm, tôi nhận thấy khi dạy mảng kiến thức này học sinh tiếp thu bài và vận dụng vào thực hành các dạng toán về giải toán tỉ số phần trăm theo các bước cơ bản như sau:

- + Bước 1: Giáo viên đưa bài toán mẫu.
- + Bước 2: Phân tích mẫu.
- + Bước 3: Thực hành-luyện tập.
- + Bước 4: Rút ra cách làm của từng dạng toán.

2. Ưu điểm:

- Hình thành kĩ năng thực hành tính, giải bài toán có nhiều ứng dụng thiết thực trong đời sống.
- Học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản cách giải toán về tỉ số phần trăm.
- Học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực hành theo các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng kiến thức- kĩ năng cơ bản và vận dụng kiến thức - kĩ năng linh hoạt.
- Giáo viên không mất nhiều thời gian chuẩn bị đồ dùng dạy học.

3. Hạn chế:

a. Giáo viên:

- Nhìn chung mọi giáo viên đều quan tâm đến nội dung này, có đầu tư, nghiên cứu cho mỗi tiết dạy. Tuy nhiên đôi khi còn lệ thuộc vào sách giáo khoa nên rập khuôn một cách máy móc.
- Chưa chú trọng làm rõ bản chất toán học nên học sinh chỉ nhớ công thức chứ chưa có sự sáng tạo trong từng dạng bài toán, tình huống cụ thể có trong cuộc sống, chưa quan tâm rèn kĩ năng giải toán một cách hệ thống, khái quát. Vì vậy, chưa phát huy được hết tính tích cực, chủ động của học sinh trong giờ học.
- Sử dụng các trò chơi học tập nhưng chưa linh hoạt, còn rập khuôn mẫu nên dẫn đến nhàm chán.

b. Học sinh:

- Học sinh tiếp thu kiến thức một cách thụ động.
- Đa số học sinh mới chỉ dừng lại ở mức độ biết - hiểu - ghi nhớ - vận dụng đơn giản. Chưa tích cực say mê học tập.
- Do chưa hiểu rõ ý nghĩa của tỉ số phần trăm nên học sinh rất lúng túng trong việc hiểu đề bài và giải toán. Nhiều em xác định được dạng toán nhưng lại vận dụng một cách rập khuôn máy móc mà không hiểu được thực chất của vấn đề cần giải quyết nên khi gặp bài toán có cùng nội dung nhưng lời lẽ khác đi thì các em lại lúng túng.
- Sự hiểu biết về thế giới xung quanh còn hạn chế nên các khái niệm về : lãi suất, vượt chỉ tiêu kế hoạch, giá bán, giá mua, tiền vốn, tiền lãi..., đang còn xa

lạ với các em nên. Vì thế các em nhầm lẫn điều kiện về giá bán, giá mua, lỗ, lãi.... Chưa biết phân tích điều kiện bài toán để hiểu ý nghĩa phần trăm, chưa xác định được cái đã cho, cái đi tìm tương ứng với bao nhiêu phần trăm.

- Gặp những bài toán khó, phức hợp, học sinh không say mê, hứng thú tìm nhiều cách giải mà chỉ theo cách cô hướng dẫn, cách trình bày không lô gic, lí luận không chặt chẽ, đôi khi lời giải không phù hợp với phép tính.

- Nhầm lẫn giữa các dạng toán (dạng 2 và dạng 3).

Trước thực trạng trên, tôi đã mạnh dạn đưa ra sáng kiến: **“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 rèn luyện kĩ năng về giải toán về tỉ số phần trăm”**

III. NỘI DUNG GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

III.1. Nội dung giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến

***Biện pháp 1: Giúp học sinh phân biệt rõ Tỉ số và Tỉ số phần trăm.**

Muốn cho học sinh hiểu và giải được các dạng toán về tỉ số phần trăm, tôi cần giúp học sinh hiểu “thế nào là tỉ số của 2 số?” và “thế nào là tỉ số phần trăm?”. Vậy: “Tỉ số của hai số và tỉ số phần trăm” khác nhau như thế nào?

- *Tỉ số của hai số là: Thương của phép chia số a cho số b với b khác 0, được viết dưới dạng a/b hoặc $a:b$.*

- *Tỉ số phần trăm: Chính là tỉ số của hai số mà ở đó ta sẽ quy mẫu số của tỉ số về 100.*

- Ở lớp 4, các em đã được học về tỉ số (tỉ số của 2 số là thương của phép chia số thứ nhất cho số thứ hai) thường viết dưới dạng phép chia hoặc dạng phân số:

Ví dụ : $\frac{2}{3}$; $\frac{23}{25}$; $\frac{60}{100}$;..... đều là tỉ số, trong đó tỉ số có mẫu số là 100 nên

ta gọi là tỉ số phần trăm. Như vậy, để viết tỉ số thành tỉ số phần trăm thì điều kiện cần và đủ ở đây là phải làm xuất hiện mẫu số là 100 (chia cho 100). Người ta quy ước cách viết tỉ số phần trăm như sau : viết “60” thêm kí hiệu phần trăm “%” (phần một trăm) vào bên phải thành “60%”, đọc là “sáu mươi phần trăm” và cũng có thể viết ngược 60% thành PSTP. Một số tỉ số (phân số) khác viết được thành tỉ số phần trăm:

*** Lưu ý:** Trong thực tế, không phải tỉ số nào cũng dễ dàng viết thành tỉ số phần trăm như tỉ số $\frac{3}{4}$ (đều nhân cả tử số và mẫu số với 25), mà có nhiều trường hợp khi viết thành tỉ số phần trăm của hai số ta phải theo quy tắc như ở sách giáo khoa toán 5 trang 75 (tìm thương của hai số, nhân thương đó với 100 rồi viết kí hiệu % bên phải tích vừa tìm được) và tỉ số phần trăm đó chỉ có giá trị tương đối.

Ví dụ: Tính tỉ số phần trăm của hai số 19 và 30:

$$19 : 30 = 0,6333.... = 63,33\%$$

*** Biện pháp 2: Hướng dẫn học sinh phân biệt đúng các dạng bài toán và cách giải của từng dạng bài về tỉ số phần trăm.**

Khi dạy mảng kiến thức về tỉ số phần trăm và giải toán về tỉ số phần trăm, cần phân biệt được 3 dạng để có cách giải phù hợp là vấn đề then chốt. Dưới đây là các giải pháp tôi đã áp dụng (gồm 3 bước nêu mục 3.2) để phân biệt được 3 dạng và cách giải như sau:

Dạng thứ nhất: Tìm tỉ số phần trăm của hai số.

Ví dụ : Một lớp học có 25 học sinh, trong đó có 13 học sinh nữ . Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của lớp đó ? (bài tập 3 trang 75 sách toán 5)

Bước 1. Hướng dẫn học sinh phân tích đề toán.

- Gọi HS đọc đề toán, cả lớp đọc thầm, GV nêu một số câu hỏi gợi ý:
- Bài yêu cầu làm gì ? (Tìm số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp?)
- Em hiểu câu hỏi của bài như thế nào ?(Nếu số học sinh cả lớp được chia làm 100 phần bằng nhau thì số học nữ chiếm bao nhiêu phần ?)
- Bài toán cho biết gì? (Số học sinh cả lớp là 25 em, trong đó học sinh nữ có 13 em)

Bước 2. Hướng dẫn tóm tắt đề bài:

Với dạng bài này, các em cũng dễ dàng tóm tắt như sau :

Lớp có :25 học sinh
 Nữ có : 13 học sinh (1)
 Nữ chiếm : ?.... % cả lớp

* Ngoài ra, giáo viên còn có thể gợi ý học sinh như sau : Bài toán yêu cầu cho biết số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm (%) nghĩa là yêu cầu ta lập tỉ số học sinh nữ và số học sinh cả lớp, cụ thể như sau:

Lớp có : 25 học sinh
 Nữ có : 13 học sinh (2)
 Tỉ số phần trăm của HS nữ so với HS cả lớp:%
 hay : = % ?

- Hai cách tóm tắt đều ngắn gọn, rõ nhưng nhìn vào cách tóm tắt (2) HS có thể thấy ngay hướng giải quyết của bài toán là tìm tỉ số giữa số học sinh nữ với số học sinh cả lớp rồi viết tỉ số đó dưới dạng tỉ số phần trăm.

Bước 3. Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải toán thích hợp.

Với dạng bài này, sau khi học sinh đã phân tích và tóm tắt đề bài thì học sinh sẽ dễ dàng giải bài toán theo các bước đã học về tìm tỉ số phần trăm của hai số:

Bước 3.1: Tìm tỉ số của số HS nữ so với cả lớp:

$$13 : 25 = 0,52$$

Bước 3.2: Viết tỉ số thành tỉ số phần trăm:

$0,52 \times 100 : 100 = 0,52 \times 100 \% = 52 \%$ (cùng nhân và chia cho 1 số để được biểu thức mới có giá trị bằng biểu thức ban đầu).

Tôi phân tích cho HS thấy bước $0,52 \times 100 : 100$ tức là $0,52 \times 100$ (làm xuất hiện mẫu số là 100 tức là đưa về phân số thập phân có mẫu số là 100 để viết thành tỉ số phần trăm).

- Sau đó tôi hướng dẫn HS viết gọn lại cách tìm tỉ số phần trăm của 13 và 25 là:

$$13 : 25 \times 100 \% = 52 \%$$

* Chính vì xác định được các lỗi mà HS đã mắc phải như thực trạng đã đề cập ở trên, tôi nhấn mạnh cho HS thấy giá trị của :

$$13 : 25 (\%) = 13 : 25 \times 100.$$

$$\text{Mà } 13 : 25 = 13 : 25 \times 100 : 100 = 13 : 25 \times 100 \%$$

Như vậy, khi HS đã hiểu được rằng các biểu thức mới khi viết cần có giá trị bằng biểu thức ban đầu nên các em sẽ không vấp phải lỗi sai như những năm trước nữa.

* Sau khi học xong dạng này, tôi còn tổng kết thành quy tắc và công thức để HS dễ dàng áp dụng. Cụ thể:

Quy tắc: " Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b ta lấy a chia b được thương rồi nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được ". (Hay a chia b rồi nhân với 100 và chia cho 100).

Công thức: $a : b = c = c \times 100 \%$ (c là thương)

Và từ đó, HS đều áp dụng cách viết như tôi đã hướng dẫn để tìm tỉ số phần trăm của hai số rất tốt theo hai bước:

Bước 1 : Tìm thương

Bước 2 : Lấy thương nhân với 100 rồi viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được.

Dạng thứ hai : Tìm một số phần trăm của một số.

Ví dụ: Trường Tiểu học Vạn Thọ có 600 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52%. Tìm số học sinh nữ của Trường Tiểu học Vạn Thọ?

Bước 1 . Hướng dẫn học sinh phân tích đề bài:

- Sau khi HS đọc kĩ bài toán, xác định được cái đã cho và cái cần tìm, GV gợi ý bằng một số câu hỏi:

+ Tổng số HS toàn trường là bao nhiêu? Tương đương với bao nhiêu % ?

+ Bài toán cho biết “ 52% là học sinh nữ” nói lên điều gì? (Tức là cứ 100 học sinh thì có 52 học sinh nữ).

- Với cách hướng dẫn HS phân tích đề toán như vậy, HS sẽ nắm chắc đề toán hơn và con số 52% không còn trừu tượng với học sinh nữa, sẽ giúp các em quen dần với kí hiệu %.

Bước 2 . Hướng dẫn tóm tắt đề toán:

Với dạng bài toán này, tôi thường tổ chức cho các em thảo luận nhóm (nhóm đôi) để tóm tắt bài toán, thông thường các em sẽ tóm tắt như sau:

Tổng số HS toàn trường : 600 học sinh (1)

HS nữ chiếm : 52%

HS nữ: học sinh?

Mặc dù cách tóm tắt như trên đã thể hiện được nội dung và yêu cầu của bài toán, tuy nhiên đối với HS còn chậm sẽ khó nhận diện được dạng toán và xác định cách giải một cách mơ hồ, cho nên tôi hướng dẫn HS đưa ra cách tóm tắt cụ thể hơn như sau:

Tổng số HS: 100 % : 600 học sinh

HS nữ: 52 % : học sinh?

(Lưu ý: đại lượng đủ nên đứng trước, đại lượng thiếu (cần tìm) đứng sau), các đại lượng cùng đơn vị phải thẳng cột với nhau và nên tóm tắt theo cách 3)

Bước 3. Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải bài toán

- Từ cách tóm tắt của bài toán mà GV đưa ra, HS sẽ dễ dàng nhận ra cái gì cần tìm, dựa vào cái đã có để tìm cái chưa có (thực chất dạng toán về quan hệ tỉ lệ mà các em đã được học).

- Trước hết phải sử dụng bước rút về đơn vị tức là tìm 1% của 600 học sinh ($600 : 100 = 6$ học sinh), sau đó tìm 52% của 600 ($6 \times 52 = 312$ học sinh)
- Đối với HS nhanh hơn có thể làm gộp nhưng phải chỉ ra được bước rút về đơn vị:

$$600 : 100 \times 52 = 312$$

Sau khi HS giải được bài toán, GV khắc sâu lại cách giải toán bằng cách nêu câu hỏi:

- Muốn tìm 52% của 600 ta làm thế nào? (nhiều hs nhắc lại cách thực hiện).
- * Tương tự như khi dạy dạng thứ nhất, với dạng thứ hai này, sau phần bài mới, tôi cũng khái quát thành quy tắc và công thức cho HS khắc sâu hơn. Cụ thể:

Quy tắc: " Muốn tìm một số phần trăm (b%) của một số (a) ta lấy số đó (a) nhân với số chỉ phần trăm (b) rồi chia cho 100". hoặc "Lấy số đó a chia cho 100 rồi nhân với số chỉ phần trăm b".

Công thức:

$$a \times b : 100 \text{ hoặc } a : 100 \times b$$

Khi HS đã giải được bài toán, tôi cung cấp thêm cho HS một số yếu tố thường gặp trong các bài toán về tỉ số phần trăm, những yếu tố này thông thường là chiếm 100% là tổng

- Ví dụ :** + Tổng số (học sinh ; gạo ; sản phẩm; thu nhập;...)
 + Diện tích cả mảnh đất (thửa ruộng, mảnh vườn;...)
 + Số tiền vốn (tiền gửi, tiền bỏ ra;...)
 + Theo dự kiến (theo kế hoạch ;)

- Đặc biệt, với dạng toán này tôi lồng ghép hướng dẫn thêm để HS hiểu được các thuật ngữ của đề bài như: tiền vốn, tiền lãi, dự kiến, kế hoạch,...

Dạng thứ ba : Tìm một số khi biết một số phần trăm của số đó.

Ví dụ : Số học sinh nữ của trường Vạn Thọ là 312 em, chiếm 52% số học sinh toàn trường. Hỏi trường Vạn Thọ có bao nhiêu học sinh ?

Bước 1. Hướng dẫn học sinh phân tích đề bài

Sau khi học sinh đọc kỹ đề bài, gv gợi ý bằng một số câu hỏi:

- Bài toán cho biết gì ? (trường Vạn Thọ có 312 học sinh nữ, chiếm 52% số học sinh toàn trường)

- Bài toán yêu cầu gì ? (tìm tổng số học sinh trường Vạn Thọ)
- Tổng số HS toàn trường chiếm bao nhiêu phần trăm ? (100 %)

Bước 2. Hướng dẫn tóm tắt đề toán :

- Đây là bước rất quan trọng vì nếu HS không tóm tắt được bài toán thì sẽ không xác định được dạng toán và không giải được bài toán .

- Với bài này, tôi cho học sinh thảo luận nhóm để tóm tắt bài toán .
- HS có thể tóm tắt như sau:

HS nữ : 312 học sinh, chiếm 52% (1)

HS toàn trường : học sinh?

- Sau khi các nhóm trình bày, GV có thể hướng dẫn tóm tắt như sau:

HS nữ : 312 em: chiếm 52 % (2)

HS toàn trường : ...?. em: chiếm 100%?

Hay : HS nữ : 52 % : 312 em (3)

HS toàn trường : 100% : ...em?

Bước 3. Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải toán

HS nhìn vào tóm tắt của bài toán sẽ dễ dàng nêu được các bước giải của bài toán:

- Rút về đơn vị (tìm 1% số học sinh toàn trường : $312 : 52 = 6$ (học sinh)

- Tìm số HS toàn trường (tìm 100% số HS : $6 \times 100 = 600$ (học sinh)

HS nhanh hơn có thể làm gộp: $312 : 52 \times 100 = 600$ (học sinh)

Đàm thoại: Muốn tìm một số biết 52% của nó là 312, ta làm như thế nào? (học sinh nói cho nhau nghe cách làm).

* GV hệ thống lại thành quy tắc và công thức cho dạng 3:

Quy tắc: "Muốn tìm một số (a) khi biết giá trị một số phần trăm (b%) của nó (c) ta lấy số đã biết (c) chia cho số chỉ phần trăm (b) rồi nhân với 100" hoặc "Lấy số đã biết c nhân 100 rồi chia cho số chỉ phần trăm b".

Công thức: $a : b \times 100$ hoặc $a \times 100 : b$

Sau khi học sinh giải được bài toán, GV sẽ hệ thống lại hai dạng toán (dạng 2 và dạng 3) để cho học sinh thấy sự khác nhau cơ bản của hai dạng bài, vì HS hay nhầm lẫn giữa nhân với 100 và chia cho 100 ở hai dạng này.

Ví dụ :

DẠNG THỨ 2	DẠNG THỨ 3
Tổng số HS: 100% : 600 học sinh	HS nữ: 52% : 312 học sinh
Số học sinh nữ : 52% :.... Học sinh?	HS toàn trường: 100%:... học sinh?
Đã có số tương ứng với 100% nên số cần tìm là số tương ứng với 52% (Ở dạng này phải lấy số tương ứng với 100% chia cho 100 để tìm số tương ứng với 1% rồi nhân với 52 để được số tương ứng với 52% là số cần tìm)	Chưa có số tương ứng với 100% nên số cần tìm là số ứng với 100% (ở dạng này cần phải lấy số tương ứng với 52% chia cho 52 để tìm số tương ứng với 1% rồi nhân với 100 để được số tương ứng với 100% là số cần tìm.)
$(600 : 100 \times 52)$ hoặc $(600 \times 52 : 100)$	$(312 : 52 \times 100)$ hoặc $(312 \times 100 : 52)$
Cho biết tổng(100%) đi tìm thành phần.	Cho biết thành phần, đi tìm tổng (100%)

*** Biện pháp 3: Tích cực sử dụng các trò chơi học tập trong dạy học môn Toán.**

Đối với học sinh Tiểu học là lứa tuổi học mà chơi, chơi mà học nên giáo viên có thể tổ chức các trò chơi học tập gây hứng thú cho các em khi học. Tổ chức trò chơi toán học là một hình thức tổ chức hoạt động phong phú và hiệu quả nhất, đây là hình thức hoạt động rất phù hợp với lứa tuổi học sinh Tiểu học, thông qua trò chơi toán học giúp học sinh hình thành kiến thức kỹ năng mới đồng thời phát triển vốn kinh nghiệm của các em đã được tích lũy thông qua hoạt động vui chơi.

Trong các giờ học đặc biệt là môn Toán tôi thường cho học sinh chơi các trò chơi như: truyền điện, hái hoa dân chủ, tiếp sức, ai nhanh ai đúng, giải cứu đại dương... và rất nhiều trò chơi khác vào hoạt động khởi động giúp học sinh ôn lại kiến thức đã được học đồng thời tạo nên không khí sôi nổi, phấn khởi trước khi vào mỗi giờ học, bên cạnh đó chúng ta cũng có thể áp dụng phương pháp này vào các hoạt động luyện tập hay vận dụng cũng rất hiệu quả, dễ thực hiện. Lúc này tôi sẽ phổ biến luật chơi, học sinh thực hiện chơi theo yêu cầu sao cho có thể vừa

được học, vừa được chơi, vừa giúp học sinh củng cố kiến thức mà cũng tạo được không khí sôi nổi nhất.

Ví dụ: Bài “**Tỉ số phần trăm**” (tiếp theo). Với dạng bài này tôi tổ chức trò chơi “**Rung chuông vàng**” ở phần đầu tiết học nhằm giúp các em củng cố khái niệm về tỉ số phần trăm.

Giáo viên sẽ lần lượt đưa ra từng phân số. Học sinh suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 15 giây. Hết thời gian suy nghĩ, học sinh đưa ra đáp án của mình bằng cách viết vào bảng con. Nếu học sinh không hoàn thành kịp thời gian hoặc tính sai sẽ bị dừng quyền chơi. Học sinh hoàn thành đúng và kịp thời gian sẽ được tiếp tục chơi. Lúc này lớp học sẽ rất sôi nổi, không khí học tập hào hứng hơn. Học sinh được rèn kỹ năng suy nghĩ nhanh. Lôi cuốn được học sinh học chậm tham gia cùng với cả lớp vì với các em được khen trước lớp là một niềm hạnh diện với các bạn.

*** Biện pháp 4: Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.**

Trong thời đại hiện nay, khoa học ngày càng phát triển thì việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học toán là điều hết sức cần thiết. Để cho giờ học thêm hấp dẫn và có nhiều bài giảng, trò chơi mới lạ phục vụ cho việc dạy học tôi thường tìm hiểu trên các mạng internet, tham khảo các sách báo để tìm và suy nghĩ ra các bài giảng, trò chơi thiết kế lại theo cách riêng của mình trên phần mềm Powerpoint.

Việc thiết kế các bài giảng, trò chơi có các hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hiệu ứng... sinh động được trình chiếu trên màn hình lớn. Các em cảm thấy rất lạ lẫm, háo hức và thích thú chờ đợi đến tiết toán, làm cho giờ học thêm hấp dẫn. Những bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin tôi nhận thấy rõ sự hứng thú, tạo sự tập trung cao, mang lại hiệu quả cho tiết dạy hơn. Tôi thường xuyên áp dụng công nghệ vào các tiết toán, thể loại toán nào cũng mang lại hiệu quả.

Trình chiếu chính xác các quy tắc, công thức, minh họa. Trình chiếu nhanh đề bài, bài tập, những gợi ý, đáp số hay lời giải mẫu. Ứng dụng CNTT đã giúp học sinh hứng thú học tập tạo được kết quả tốt. Không những thế khi ứng dụng CNTT vào giảng dạy giúp cho tôi có thể tổ chức, điều khiển, hướng dẫn học sinh hoạt động học tập theo các nhóm bằng cách hiển thị lên màn hình các yêu cầu hoạt động, các gợi ý, hướng dẫn thực hiện hoạt động một cách đồng thời, tiết kiệm thời gian hơn so với sử dụng dùng bảng phụ học tập.

Việc ứng dụng CNTT vào dạy học là rất cần thiết, là phù hợp với sự phát triển của xã hội, là phương tiện hỗ trợ tối ưu nhất để thực hiện đổi mới PPDH trong các nhà trường hiện nay. Ứng dụng CNTT giúp giáo viên truyền tải khối lượng kiến thức bài giảng lớn trong khoảng thời gian rất ngắn, tiết kiệm được thời gian thao tác trên lớp; do đó giáo viên có nhiều thời gian để khai thác bài giảng, khắc sâu kiến thức.

III.2. Tính mới, tính sáng tạo:

a. Tính mới :

- Trong sáng kiến này tôi đã đi sâu vào việc dạy kiến thức mới thông qua kiến thức cũ đồng thời kết hợp thực hành, mở rộng, nâng cao phù hợp với nhận thức của học sinh cũng như phù hợp với địa phương.

- Áp dụng sáng kiến này giúp GV không còn phụ thuộc vào hướng dẫn giảng dạy của SGK, không dừng lại như nội dung của SGK. Các giải pháp được đưa ra trên cơ sở mục tiêu của các tiết học đảm bảo phát triển kỹ năng thực hành cho HS. Dạy học phải đi đôi với thực hành.

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Sáng kiến giúp các em phát triển tư duy trí tuệ, tư duy phân tích và tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá, rèn luyện tốt phương pháp suy luận logic. Bên cạnh đó đây là dạng toán rất gần gũi với đời sống thực tế. Do vậy, việc giảng dạy toán có lời văn một cách hiệu quả giúp các em trở thành những con người linh hoạt, sáng tạo, làm chủ trong mọi lĩnh vực và trong cuộc sống thực tế hàng ngày.

b. Tính sáng tạo

- Các phương pháp trên có thể được lựa chọn một cách linh hoạt sao cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của tiết dạy.

- Các phương pháp và hình thức dạy học được phối hợp đa dạng trong toàn bộ quá trình dạy học.

- Phát huy năng lực tư duy sáng tạo, tự mày mò, tự chiếm lĩnh tri thức của người học; chú trọng kỹ năng thực hành, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn, coi trọng tự học, tự nghiên cứu; giảm bớt thuyết trình, diễn giảng; tăng cường dẫn dắt, điều khiển, tổ chức, xử lý tình huống làm cho giờ học trở nên sôi nổi, hấp dẫn hơn.

- Huy động khả năng của từng học sinh để khám phá, tìm tòi ra nội dung của bài học đặc biệt là thông qua các hoạt động nhóm, kích thích sự ham học hỏi và giúp các em rèn luyện kỹ năng nói và phản xạ nhanh.

- Phát triển năng lực của mỗi cá nhân, tạo cho các em có niềm tin, hứng thú và sự say mê trong học tập.

III.2. Khả năng áp dụng, nhân rộng:

- Với phạm vi sáng kiến này tôi đã áp dụng đạt hiệu quả cao đối với HS lớp 5E tôi đang phụ trách và khối lớp 5 của trường Tiểu học Quang Trung. Sáng kiến có thể áp dụng sáng kiến này khi dạy mảng kiến thức về giải toán về tỉ số phần trăm đối với các em học sinh lớp 5 ở các trường Tiểu học trong huyện và thành phố.

III.3. Hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng giải pháp:**a. Hiệu quả kinh tế:**

- Học sinh tích cực, hứng thú học tập và hiểu bài ngay tại lớp, vận dụng vào làm các dạng toán giải tốt nên phụ huynh không phải lo thuê gia sư kèm cho con.

- Học sinh sẽ hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ học tập môn Toán nói riêng và các môn học khác nói chung, sẽ không có học sinh phải thi lại hay ở lại lớp, tiết kiệm một khoản kinh phí cho gia đình và xã hội.

- Có thể thu được do áp dụng thực tế. Qua thời gian thực hiện giải pháp mới cho thấy số lượng học sinh yếu giảm rõ rệt, việc hăng say tích cực trong việc học toán được nâng lên tạo được sự hứng thú trong học tập.

b. Hiệu quả về mặt xã hội:

- Đã động viên được lực lượng Phụ huynh học sinh kết hợp hỗ trợ giúp các em về điều kiện học tập.

- Đáp ứng được mục tiêu giáo dục đào tạo của nhà trường, mục tiêu GD&ĐT chung của toàn ngành, toàn đất nước và đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội. Nó góp phần quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phương pháp suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề. Nó góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập linh hoạt, sáng tạo; góp phần vào việc hình thành các phẩm chất cần thiết và quan trọng của con người như lao động cần cù, cẩn thận, có ý thức vượt khó khăn, làm việc có kế hoạch, có nền nếp và có tác phong khoa học cho cả giáo viên và học sinh.

- Giáo viên nâng cao khả năng áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Có thêm thư viện bài giảng điện tử cho bản thân và nhà trường.

Đặc biệt, dạy Toán hiệu quả sẽ tạo ra sản phẩm là nguồn nhân lực có chất lượng, có trình độ cao. Con người nắm vững khoa học kỹ thuật đóng vai trò chủ yếu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, góp phần đưa xã hội phát triển.

c. Giá trị làm lợi khác:

- Giáo viên có sự kết nối để cùng nhau nghiên cứu, trao đổi phương pháp dạy học trong trường, trong huyện,... giúp giáo viên trang bị thêm vào vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm trong giảng dạy, giúp HS tin yêu thầy cô hơn.

Những kết quả mà tôi đã thu được trong quá trình nghiên cứu, áp dụng và thực hiện đề tài: ***“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 rèn luyện kỹ năng giải toán về tỉ số phần trăm”***, đạt được kết quả đáng khích lệ song không tránh khỏi thiếu sót, rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, bạn bè đồng nghiệp góp ý để đề tài được tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn !

**CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

An Lão, ngày tháng 2 năm 2023
TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

Lê Thị Hạnh